

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2026/HS-PT
Ngày 26 tháng 02 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Lợi
Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thanh Huyền, Thẩm tra viên.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 753/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Trần Hạnh D, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm 233/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Trần Hạnh D**, sinh năm 1991 tại Vĩnh Long; nơi ĐKKHKT và nơi ở: ấp Q, xã H, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn R và bà Trần Thị Tuyết S; có chồng là Đặng Văn Đ và 02 con (sinh ngày 23/3/2017 và ngày 16/11/2023); tiền án, tiền sự: không; bắt tạm giữ ngày 13/12/2024 đến ngày 20/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Hạnh D (theo yêu cầu của Tòa án): Bà Nguyễn Thanh T, Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- **Bị hại (không có kháng cáo):**

(1) Ông Lê Thành L, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn K, xã A, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

(2) Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do kinh doanh thua lỗ dẫn đến nợ tiền nhiều người, khoảng tháng 11/2020 Trần Hạnh D đi lao động cho 01 công ty tại Đ, Đ, Đài Loan để kiếm tiền trả nợ. Tại đây, Trần Hạnh D quen biết và kết hợp làm ăn với chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, A, Hải Phòng) bằng hình thức nhận tiền Đài Loan sau đó chuyển tiền về Việt Nam cho những người có nhu cầu để hưởng tiền công và tiền chênh lệch đổi ngoại tệ; công việc cụ thể là: D nhận tiền Đài Loan của khách chuyển cho chị N, sau đó chị N nhờ người nhà ở Việt Nam chuyển tiền cho người nhà của khách.

Đến khoảng tháng 10/2021, do cần tiền gấp để trả nợ nên Trần Hạnh D đã nảy sinh ý định lợi dụng việc chuyển tiền để chiếm đoạt tiền của chị N. Duyên đặt trước vé máy bay về Việt Nam vào ngày 22/10/2021, đồng thời đưa ra thông tin về việc khách cần chuyển tiền để chị N tin tưởng chuyển tiền vào các tài khoản do D cung cấp giả mạo là tài khoản của người thân khách hàng (thực tế chủ tài khoản đều là người thân của D). Ngày 22/10/2021, chị N đã nhờ anh Lê Thành L (là chồng cũ của chị N, ở thôn K, A, Hải Phòng) chuyển đến các tài khoản do D cung cấp tổng cộng 1.550.000.000 đồng, bao gồm:

- Tài khoản Trần Văn N1 (ông nội D) số 7303205064301 Ngân hàng A số tiền 315.000.000 đồng;

- Tài khoản Trần Thị T1 (cô của D) số 0111000787062 Ngân hàng V số tiền 220.000.000 đồng;

- Tài khoản Trần Văn P (cậu của D) số 0700564041471 Ngân hàng S1 số tiền 425.000.000 đồng;

- Tài khoản Võ Ngọc P1 (chị dâu của D) số 7303215015326 Ngân hàng A số tiền 300.000.000 đồng;

- Tài khoản Hứa Văn N2 (khách hàng của D tại Đài Loan) số 221214849274910 Ngân hàng E số tiền 290.000.000 đồng.

Cùng ngày, Trần Hạnh D đi máy bay về sân bay Đ và do dịch Covid 19 nên được đưa đi cách ly tại H. D bỏ sim điện thoại tại Đài Loan nhưng vẫn sử dụng tài khoản Facebook và nhận được tin nhắn chị N đòi tiền. D nói với chị N về việc nợ nhiều nên đã chiếm đoạt tiền của chị N vào ngày 22/10/2021 để trả nợ và sẽ trả cho chị N sau nhưng chị N không đồng ý. Mặc dù chị N đã đòi tiền và không đồng ý cho D trả sau nhưng từ ngày 25/10/2021 D vẫn nhận tiền từ các tài khoản nêu trên và chuyển tiền đến nhiều tài khoản rồi rút tiền mặt để trả nợ và chi tiêu (D nói với những người họ hàng D đi làm ăn xa và nhờ gửi tiền về cho gia đình).

Chị N khai: Số tiền 1.550.000.000 đồng là tiền của chị và anh L thống nhất để dành cho hai con chung khi ly hôn và do anh L quản lý. Sau khi biết bị chiếm đoạt tiền, anh L đã tìm gặp bà Võ Ngọc P1 và được bà trả lại 300.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại các Ngân hàng V, A, S1, E; sao kê các tài khoản liên quan có các giao dịch nhận và rút tiền, chuyển tiền phù hợp với lời khai của Trần Hạnh D. Cụ thể:

- Ngày 22/10/2021 tài khoản Ngân hàng V1 của bà Trần Thị T1 nhận số tiền 220.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T2 số 19036849154015 của anh Lê Thành L; cùng ngày, bà T1 đã chuyển 02 lần mỗi lần 50.000.000 đồng với tổng số tiền là 100.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 7300205247678 của Trần Hạnh D. Ngày 24/10/2021 bà T1 tiếp tục chuyển 02 lần mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 7303205151328 của bà Trần Thị Tuyết S.

- Ngày 22/10/2021, tài khoản Ngân hàng A số 7300205247678 của Trần Hạnh D nhận 02 lần tổng số tiền là 100.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng V1 số 0111000787062 của bà Trần Thị T1. Sau đó từ ngày 25/10/2021 đến ngày 08/11/2021, tài khoản Ngân hàng của Trần Hạnh D nhận, chuyển tiền đến nhiều tài khoản và rút số tiền 300.000.000 đồng.

- Ngày 22/10/2021, tài khoản Ngân hàng A số 7303205064301 của ông Trần Văn N1 nhận 315.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T2 số 19036849154015 của anh Lê Thành L. Ngày 25/10/2021, ông N1 chuyển số tiền 310.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 7303205151328 của bà Trần Thị Tuyết S.

- Ngày 22/10/2021, tài khoản Ngân hàng S1 số 070056404171 tên Trần Văn P nhận số tiền 425.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T2 số 19036849154015 của anh Lê Thành L.

- Ngày 22/10/2021, tài khoản Ngân hàng E số 22124849274910 tên Hứa Văn N2 nhận số tiền 290.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T2 số 19036849154015 của anh Lê Thành L.

Tài khoản Ngân hàng E số 22124849274910 được đăng ký bởi Hứa Văn N2, sinh năm 1989, chứng minh thư số 363503004, căn cước công dân số 093089006153, địa chỉ: D U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh tại Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Không có người có thông tin họ tên Hứa Văn N2, sinh năm 1989, chứng minh thư số 363503004, căn cước công dân số 093089006153 ở tại địa chỉ trên.

Tại cơ quan điều tra, Trần Hạnh D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Hạnh D đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho anh Lê Thành L và chị Nguyễn Thị N. Anh Lê Thành L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Hạnh D.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 233/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Hạnh D phạm tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản”; xử phạt Trần Hạnh D 13 (mười ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ những ngày tạm giữ từ ngày 13/12/2024 đến ngày 20/12/2024. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bắt thi hành án.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo theo quy định.

3. *Kháng cáo*: Ngày 23/9/2025, bị cáo Trần Hạnh D có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

4. *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

4.1. Bị cáo Trần Hạnh D giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo phạm tội là do hoàn cảnh lúc đó quá khó khăn, không có tiền trả nợ; cha và chồng của bị cáo đã bỏ đi chung sống với người khác; bị cáo cùng mẹ là bà Trần Thị Tuyết S đã phải bán ngôi nhà của bà S để trả nợ, hiện phải đi thuê nhà trong khi bà S bị tai nạn không thể đi lại được nên một mình bị cáo phải chăm sóc, nuôi dưỡng bà S và 02 con nhỏ. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất có thể để bị cáo có điều kiện chăm sóc mẹ và các con.

4.2. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Hạnh D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tuyên phạt bị cáo 13 năm tù là có căn cứ. Tuy vậy, xét hành vi phạm tội của bị cáo; thái độ của bị cáo sau khi phạm tội đã đầu thú, đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên hình phạt 13 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc; mặt khác, hồ sơ vụ án còn thể hiện bị cáo sinh con vào tháng 11/2023 là trong quá trình điều tra vụ án và hoàn cảnh hiện tại của gia đình bị cáo quá khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 09 năm đến 10 năm tù.

4.3. Người bào chữa cho bị cáo Trần Hạnh D là Luật sư Nguyễn Thanh T phát biểu ý kiến: Luật sư nhất trí với ý kiến của Kiểm sát viên đã phát biểu. Ngoài ra, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân của bị cáo, nguyên nhân, hoàn cảnh của bị cáo khi phạm tội cũng như hiện tại để cho bị cáo được hưởng chính sách nhân đạo của pháp luật với mức hình phạt thấp nhất có thể.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án; xem xét lời khai nhận của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Do kinh doanh thua lỗ dẫn đến nợ tiền nhiều người, khoảng tháng 11/2020 Trần Hạnh D đi lao động cho 01 công ty tại Đ, Đ, Đài Loan để kiếm tiền trả nợ. Quá trình lao động và sinh sống tại Đài Loan, Trần Hạnh D quen biết rồi kết hợp với chị Nguyễn Thị N cùng ở Đài Loan làm dịch vụ nhận tiền Đài Loan chuyển về Việt Nam cho những người có nhu cầu để hưởng tiền công và tiền chênh lệch đổi ngoại tệ. Đến tháng 10/2021, do cần tiền gấp để trả nợ nên D nảy sinh ý định lợi dụng việc chuyển tiền để chiếm đoạt tiền của chị N. Thực hiện ý đồ trên, D đặt trước vé máy bay về Việt Nam vào ngày 22/10/2021 và đưa ra những thông tin gian dối về việc có khách có nhu cầu chuyển tiền làm chị N tin là thật, nhờ anh Lê Thành L (là chồng cũ của chị N, hiện đang cư trú tại Hải Phòng) chuyển tổng số tiền 1.550.000.000 đồng vào các tài khoản do D cung cấp (là các tài khoản do người thân của D mở tại các ngân hàng) giả mạo là khách hàng cần chuyển. Khi D về đến Việt Nam, chị N nhắn tin đòi tiền và không đồng ý việc D dùng số tiền trên để trả nợ của D thì D vẫn chuyển toàn bộ số tiền từ các tài khoản nêu trên đến nhiều tài khoản khác nhau rồi rút tiền mặt chi tiêu cá nhân và trả nợ.

Với những hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Trần Hạnh D bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị N số tiền 1.550.000.000 đồng. Từ đó, đã tuyên bố Trần Hạnh D phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Hạnh D xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của bị cáo. Đồng thời, đã xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do sau khi phạm tội đã đầu thú, tự nguyện bồi thường đầy đủ cho bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ.

Tuy vậy, ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng ở trên thì Hội đồng xét xử còn xét thấy bị cáo trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt; trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị cáo mang thai con thứ hai (sinh ngày 16/11/2023); tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra thực sự ăn năn, hối cải; gia đình bị cáo thực sự khó khăn do đã phải bán ngôi nhà duy nhất của mẹ bị cáo để bồi thường, khắc phục hậu quả

cho bị hại, chồng bị cáo đã bỏ đi sống với người khác, bị cáo không có việc làm ổn định nhưng phải nuôi dưỡng mẹ và 02 con nhỏ trong khi đang phải thuê nhà để ở. Đó là những tình tiết mới đúng như ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa, được Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cùng với chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật để giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhưng vẫn bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo có kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 233/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với bị cáo Trần Hạnh D.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Hạnh D 09 (chín) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 13/12/2024 đến ngày 20/12/2024.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bị cáo tự nguyện đi chấp hành hình phạt hoặc bị bắt thi hành án.

2. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Hạnh D không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 02 năm 2026).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ 1);
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền